

CÔNG TY CỔ PHẦN XÚC TIẾN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ VIỆT - NHẬT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÚC TIẾN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ VIỆT - NHẬT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET - NHAT TECHNOLOGY INVESTMENT PROMOTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIET - NHAT TECH PRO., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107332181

3. Ngày thành lập: 23/02/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

07-A3, TT Viện sốt rét ký sinh trùng, côn trùng Trung Ương, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0979.92.95.92

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	In ấn	1811
2.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
3.	Bán buôn đồ uống	4633
4.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
5.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
6.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
7.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
8.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
9.	Bán buôn thực phẩm	4632
10.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
11.	Chăn nuôi lợn	0145
12.	Chăn nuôi gia cầm	0146
13.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
14.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chỉ gồm có: Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, Thử độ ẩm và các công việc thử nước, Chống ẩm các toà nhà, Chôn chân trụ, Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, Uốn thép, Xây gạch và đặt đá, Lợp mái bao phủ toà nhà; + Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá huỷ các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng,	4390

15.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
16.	Quảng cáo	7310
17.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
18.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Bán buôn gỗ cây, tre, nứa, gỗ sơ chế;	4663
19.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa;	8299
20.	Sản xuất thiết bị truyền thông (Trong ngành nghề này không bao gồm: Thiết bị thu phát sóng)	2630
21.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
22.	Sao chép bản ghi các loại	1820
23.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trong ngành nghề này không bao gồm: vàng, quặng uranium và thorium);	4662
24.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
25.	Dịch vụ ăn uống khác Chỉ gồm có các ngành nghề sau: - Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, ví dụ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không, xí nghiệp vận tải hành khách đường sắt...; - Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự; - Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền.	5629
26.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
27.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
28.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
29.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan Bán buôn dầu nhờn, mỡ nhờn	4661
30.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
31.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
32.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
33.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
34.	Trồng cây ăn quả	0121

35.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
36.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
37.	Phá dỡ	4311
38.	Xây dựng công trình công ích	4220
39.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
40.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
41.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
42.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
43.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
44.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
45.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
46.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
47.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
48.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
49.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
50.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
51.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
52.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chỉ gồm có: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;	4649
53.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
54.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Trồng cây dược liệu	0128
55.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chỉ gồm có: Khắc phục sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm máy vi tính;	6209
56.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
57.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
58.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
59.	Bán mô tô, xe máy	4541

60.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
61.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
62.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
63.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
64.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào nhóm nào, sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác	4659
65.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
66.	Bán buôn gạo	4631
67.	Xây dựng nhà các loại	4100
68.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chỉ gồm có các ngành nghề sau: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.	4329
69.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
70.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

71.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
72.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
73.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
74.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230(Chính)
75.	Cổng thông tin	6312
76.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
77.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chỉ gồm có các ngành nghề sau: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;	6329
78.	Trong các ngành, nghề có trên không bao gồm: Ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh. Đối với các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thì pháp nhân chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định pháp luật	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 16.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	HỒ VIỆT TUẤN	Số nhà 15, ngõ 461, phố Minh Khai, tổ 14, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	320.000	3.200.000.000	20,000	040077000175	
			Tổng số	320.000	3.200.000.000	20,000		
2	CHU VĂN ĐỨC	7-A3, tập thể Viện sốt rét ký sinh trùng - côn trùng Trung ương, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	640.000	6.400.000.000	40,000	012936557	
			Tổng số	640.000	6.400.000.000	40,000		

3	HOÀNG THANH BÌNH	P17 C6 Kim Liên, Đường Lương Định Của, Phường Kim Liên, Quận Đống đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	640.000	6.400.000.000	40,000	013080750	
			Tổng số	640.000	6.400.000.000	40,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: CHU VĂN ĐỨC

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 22/04/1967

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012936557

Ngày cấp: 28/03/2007

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 7-A3, tập thể Viện sốt rét ký sinh trùng - côn trùng Trung ương, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 7-A3, tập thể Viện sốt rét ký sinh trùng - côn trùng Trung ương, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội